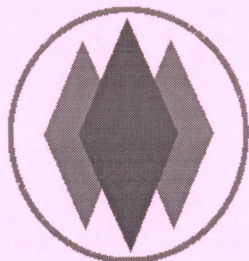


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



VNECO

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 NĂM 2011**
(KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/03/2011)

THÁNG 04 NĂM 2011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

Mẫu số B 01a - DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**
(Quý 1 năm 2011 - Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011**Đơn vị tính: đồng**

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2011)	Số đầu năm (01/01/2011)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.049.761.350.323	1.110.780.344.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		182.259.274.781	83.982.679.418
1. Tiền	111	V.01	19.569.514.781	16.292.919.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		162.689.760.000	67.689.760.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.636.730.452	6.290.012.018
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.670.546.927	8.323.828.493
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.033.816.475)	(2.033.816.475)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		780.506.497.707	945.615.020.565
1. Phải thu của khách hàng	131		132.473.119.963	178.167.784.799
2. Trả trước cho người bán	132		181.974.046.808	154.089.161.309
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	466.059.330.936	613.358.074.457
IV. Hàng tồn kho	140		67.818.123.174	69.797.320.311
1. Hàng tồn kho	141	V.04	67.818.123.174	69.797.320.311
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.540.724.209	5.095.312.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.025.047.669	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.515.676.540	5.095.312.437
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		608.981.435.323	553.415.337.549
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.590.009.351	88.920.790.725
4. Phải thu dài hạn khác	218		85.755.009.351	89.085.790.725
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(165.000.000)	(165.000.000)
II. Tài sản cố định	220		223.309.382.898	205.498.409.119
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	40.512.886.556	41.425.928.409
- Nguyên giá	222		71.049.288.467	70.931.109.567
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.536.401.911)	(29.505.181.158)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	35.074.251.503	35.074.251.503
- Nguyên giá	228		35.498.087.823	35.498.087.823
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(423.836.320)	(423.836.320)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	147.722.244.839	128.998.229.207
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		297.582.619.302	256.069.065.382
1. Đầu tư vào công ty con	251		261.927.019.500	217.927.019.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48.288.320.000	48.288.320.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	45.276.170.762	45.187.237.562
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(57.908.890.960)	(55.333.511.680)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.499.423.772	2.927.072.323
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.499.423.772	2.927.072.323
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		1.658.742.785.646	1.664.195.682.298

Fax: 0511.3562367

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 1 năm 2011 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	54.897.476.702	37.630.062.080	54.897.476.702	37.630.062.080
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.519.000	-	5.519.000	-
3	D.thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.891.957.702	37.630.062.080	54.891.957.702	37.630.062.080
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	40.302.605.090	31.222.198.394	40.302.605.090	31.222.198.394
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.589.352.612	6.407.863.686	14.589.352.612	6.407.863.686
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.736.587.522	19.272.088.556	1.736.587.522	19.272.088.556
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	11.761.704.651	15.833.079.256	11.761.704.651	15.833.079.256
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.186.325.371	14.425.502.334	9.186.325.371	14.425.502.334
8	Chi phí bán hàng	24		94.818.181	14.545.455	94.818.181	14.545.455
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.571.150.584	3.667.018.470	3.571.150.584	3.667.018.470
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		898.266.718	6.165.309.061	898.266.718	6.165.309.061
11	Thu nhập khác	31		360.992.060	539.762.968	360.992.060	539.762.968
12	Chi phí khác	32		139.046.956	21.963.651	139.046.956	21.963.651
13	Lợi nhuận khác	40		221.945.104	517.799.317	221.945.104	517.799.317
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.120.211.822	6.683.108.378	1.120.211.822	6.683.108.378
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	228.042.206	835.388.547	228.042.206	835.388.547
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		892.169.616	5.847.719.831	892.169.616	5.847.719.831
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		14,22	184,35	14,22	184,35

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

- Trang 3 -



Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý 1 năm 2011 (Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		26.332.116.463	65.706.152.539
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(40.955.790.265)	(57.331.235.328)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.508.666.045)	(2.039.989.295)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(9.186.325.371)	(14.425.502.334)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.721.300.169)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.631.234.546	16.723.030.814
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(14.390.711.377)	(42.103.384.894)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		(40.799.442.218)	(33.470.928.498)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.530.527.631)	(3.618.358.823)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		200.000.000.000	2.476.853.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.200.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.434.577.778	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.588.933.200)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.509.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.841.960.557	243.798.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		144.957.077.504	4.611.292.681
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		-	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.666.487.458	40.930.968.027
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.547.669.699)	(67.845.353.140)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.881.182.241)	(26.914.385.113)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		98.276.453.045	(55.774.020.930)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		83.982.679.418	64.152.035.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		142.318	47.535.087
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	182.259.274.781	8.425.549.979

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

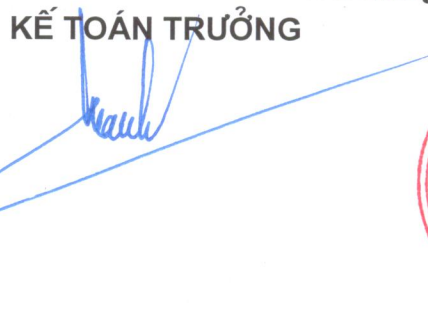
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quang Cần



Phan Anh Quang



Đoàn Đức Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây được viết tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp Điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2007.

Ngày 06 tháng 08 năm 2009 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2.

Ngày 08/10/2010 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3.

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam có tên giao dịch: Vietnam Electricity Construction Joint Stock Corporation (Viết tắt là “VNECO”).

Trụ sở chính: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại

: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

Website

: www.vneco.com.vn; www.vneco.biz

E-mail

: vneco@dng.vnn.vn; vneco@vneco.com.vn**Logo**

:

**VNECO****❖ Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011 gồm:

• Hội đồng quản trị:

Ông Đoàn Đức Hồng

Chủ tịch

Ông Nguyễn Trọng Bình

Ủy viên

Ông Nguyễn Thành Đồng

Ủy viên

Ông Phan Anh Quang

Ủy viên

Ông Nguyễn Đậu Thảo

Ủy viên

Ông Phan Tất Trung

Ủy viên

Ông Thái Văn Chấn

Ủy viên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

• Ban Giám đốc:

Ông Đoàn Đức Hồng

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Bình

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Huy

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Cường

Phó Tổng Giám đốc

❖ Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty:

Ông: Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

❖ Thành phần Ban kiểm soát Tổng Công ty:

Ông Đào Hữu Chuộng

Trưởng ban

Ông Lê Thanh Nhã

Thành viên

Bà Thái Thị Thùy Trang

Thành viên

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 31/03/2011 là 637.210.610.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm mười ngàn đồng).

Tại ngày 14/03/2011, thời điểm chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền bỏ phiếu họp đại hội cổ đông thường niên 2011, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

- ✓ Nhà nước đóng góp số tiền là 189.000.000.000 đồng tương đương 29,66% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ phiếu ngân quỹ 9.789.200.000 đồng tương đương với 1,54% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông khác góp 438.421.410.000 đồng tương đương với 68,80% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ: 98,71% vốn điều lệ.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ: 1,29% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị; đầu tư tài chính; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành.

✓ Ngành nghề kinh doanh

Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;

Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;

Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

Đầu tư tài chính;

Sản xuất và kinh doanh điện;

Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.

Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;

Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;

Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;

Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;

Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa, đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 có hiệu lực từ ngày 01/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với chuẩn mực số 05 - *Bất động sản đầu tư* ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư này được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm kết giai đoạn tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Tổng Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

Chi phí đi vay phục vụ các công trình xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị được vốn hóa vào giá trị công trình đầu tư khi đủ điều kiện vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm lợi thế thương mại của Tổng Công ty; chi phí phát hành trái phiếu; chi phí đào tạo và công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản đã được đơn vị nhận thi công (bao gồm các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị ngoài tổ hợp), các đơn vị thầu phụ ghi nhận vào chi phí của công trình nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán chưa hoàn tất các thủ tục để thanh toán với Tổng Công ty. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư (đã ghi nhận doanh thu).

Chi phí phải trả trong kỳ của Tổng Công ty bao gồm trích trước chi phí của công trình, chi phí lãi vay phải trả và chi phí sử dụng nước sinh hoạt.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy; căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Tổng Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản doanh thu tiền lãi trong kỳ kế toán năm, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối giai đoạn tài chính và cổ tức, lợi nhuận được chia hoặc căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận của Công ty liên doanh, liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối giai đoạn tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn, dài hạn; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tổng Công ty đã đăng ký mức miễn giảm và thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bắt đầu từ năm tài chính 2006 (kể từ khi có thu nhập chịu thuế) với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 294VB/VNECO-TCKT ngày 10 tháng 01 năm 2006 như sau:

- Miễn thuế TNDN 02 năm: năm 2006 và năm 2007.
- Giảm thuế TNDN 50% trong 03 năm: từ năm 2008 đến năm 2010.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hợp đồng xây lắp được áp dụng:

- Đối với các công trình xây lắp bắt đầu thực hiện trước ngày 01/01/2004: 5%
- Đối với các công trình xây lắp bắt đầu thực hiện sau ngày 01/01/2004: 10%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Tiền mặt tại quỹ	1.028.957.758	1.011.690.176
Tiền gửi ngân hàng	18.540.557.023	15.126.249.242
Tiền gửi ngân hàng (VND) ^(a)	18.538.392.980	15.124.228.120
Tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ) ^(b)	2.164.043	2.021.122
Tiền đang chuyển (VND)	-	154.980.000
Cộng	19.569.514.781	16.292.919.418

(a)- Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng VND	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Thành phố Đà Nẵng	710.590.579	75.981.356
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Vân	1.559.484.211	2.412.204.985
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Liên Chiểu	311.594.967	1.960.874.647
Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Đà Nẵng	922.714.595	5.230.734.242
Ngân hàng Hàng Hải Thành phố Đà Nẵng	673.070.915	363.184.433
Ngân hàng TMCP Quân đội Đà Nẵng	32.738.729	32.738.729
Chi nhánh Ngân hàng Quốc tế Thành phố Đà Nẵng	8.307.870.389	383.679.555
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	267.423.437	268.393.846
Ngân hàng phát triển Phú Yên	3.936.705	3.936.705
Ngân hàng TMCP Đại Tín - Chi nhánh Sài Gòn	8.978.473	8.978.473
Ngân hàng TMCP Đại Tín - Chi nhánh Đà Nẵng	33.537.773	33.537.773
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng	4.340.221	4.340.221
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	18.169.604	18.169.604
Công ty CP CK Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	2.215.029	247.467.499
Công ty CP CK Châu Á Thái Bình Dương (APEC)	5.681.727.353	4.080.006.052
Cộng	18.538.392.980	15.124.228.120

(b)- Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Vân	1.664.107	1.521.186
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Liên Chiểu	499.936	499.936
Cộng	2.164.043	2.021.122

2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12.670.546.927	8.323.828.493
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.033.816.475)	(2.033.816.475)
Cộng	10.636.730.452	6.290.012.018

3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Phải thu các đơn vị trong tổ hợp VNECO ^(b)	168.755.430.743	146.551.113.475
Các khoản phải thu khác ^(c)	297.303.900.193	466.806.960.982
Cộng	466.059.330.936	613.358.074.457

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
(a) Phải thu các đơn vị trong tổ hợp VNECO	168.755.430.743	146.551.113.475
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	223.835.729	184.620.945
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	186.911.449	177.385.449
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	105.376.925	97.900.925
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	95.593.210	163.404.210
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 5	1.260.331.060	1.210.584.060
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 6	10.694.240.176	12.224.695.133
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	8.930.684.333	8.253.071.705
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	697.772.956	674.492.956
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9	447.900.065	447.900.065
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	590.099.860	590.099.860
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 11	17.996.457.902	14.364.020.445
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	5.607.000	-
Công Ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM	65.432.140	110.806.460
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO	57.603.031.081	41.918.531.081
Công Ty CP Du Lịch Xanh Huế VNECO	59.685.340.497	54.309.617.428
Công ty CP Tư Vấn & Xây Dựng VNECO	6.725.573.486	6.541.051.879
Cty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	-	1.954.188.000
Công ty Cp Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	248.018.874	248.018.874
Công Ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	3.193.224.000	3.080.724.000
(b) Các khoản phải thu khác	297.303.900.193	466.806.960.982
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thủy Vân	182.520.858.333	182.520.858.333
BQL DA các CT Điện Miền Trung	9.048.343.771	48.343.771
BQL DA các CT Điện Miền Nam	31.358.937.558	20.824.454.816
Ban QLDA các CT Điện Miền Bắc	22.971.882.356	9.708.882.356
Tổng Cục Kỹ thuật - Bộ Công An	2.590.000.001	2.590.000.001
Công ty TNHH Huawei (Gia công và lắp đặt cột thép cho dự án Huawei)	4.682.687.222	4.682.687.222
Công ty TNHH TMại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
Ban QLDA Thủy điện 7 (Thủy điện An Khê - Ka Nak)	698.338.698	698.338.698
Hồ Vĩnh Hoàng	397.597.000	397.597.000
Lý Quốc Cường	3.100.601.109	3.100.601.109
Ngô Chí Công	92.000.000	97.000.000
Phan Đình Hùng	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Văn Tuyển	53.672.849	54.633.611
Ngô Kim Huệ	-	200.000.000.000
Cty CP CK Châu á Thái Bình Dương (APEC)	-	1.437.253.067
Phải thu cổ tức tại các đơn vị trong tổ hợp	3.581.101.224	3.373.058.224
Phải thu khác - Bảo hiểm xã hội	375.534.501	303.397.882
Phải thu khác - Bảo hiểm thất nghiệp	23.027.121	23.027.121
Phải thu khác - Bảo hiểm Y tế	4.446.352	4.446.352
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	249.166.667
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	5.889.822.222	5.665.822.222
Công ty CP Xây lắp Điện 1	4.257.738.031	4.257.738.031
Hợp tác xã Xuân Long	2.064.166.667	-
Phải thu khác	473.429.632	3.649.938.953

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4- Hàng tồn kho	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Nguyên liệu, vật liệu	18.282.360.881	18.273.566.083
Công cụ, dụng cụ	563.622.386	698.648.913
Chi phí SX, KD dở dang ^(a)	36.371.212.054	38.267.354.552
Thành phẩm	12.557.750.763	12.557.750.763
Hàng hóa	43.177.090	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	67.818.123.174	69.797.320.311

(a)- Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Cuối kỳ (31/12/2010)	Đầu kỳ (01/01/2010)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.508.597.198	36.778.582.400
Lắp đặt HT mạng khu du lịch Dung Quất - Quảng Ngãi	71.232.222	71.232.222
Lắp đặt HT DT & mạng MT NH NN T/Khê (HĐ 117)	568.809.502	568.809.502
ĐZ 220Kv Bản Lả - Vinh (từ G76-ĐC và MR, HĐ 43)	1.314.030.585	1.314.030.585
ĐZ 220kV Đồng Hới- Huế	538.843.644	536.050.644
ĐZ 500 Kv Phú Mỹ_Nhà bè_Phú Lâm	1.500.000.000	1.500.000.000
ĐZ 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch) - HD0109/04	7.000.000	-
ĐZ 110kV Trảng Bàng - Đức Hoà	2.391.676.077	2.391.676.077
XLcột anten 70m, 75m tỉnh kiên Giang, Đ/Tháp	908.768.863	908.768.863
Hợp đồng số: F-00029 (Toàn cầu)	498.183.872	498.183.872
Thuỷ điện Krông H'Năng	10.812.426.131	10.812.426.131
ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & SL - NQ (gói 11.1)	776.626.241	79.501.033
ĐZ 220kV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kV Đăk Nông	-	1.546.333.165
DA Thuỷ Điện Hồi Xuân	732.771.735	352.711.322
ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 5.3)	4.220.162.567	3.547.741.390
ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 7.1)	-	2.592.840.982
TBA 500kV Thạnh Mỹ và nhánh rẽ (giai đoạn 1)	7.909.139.917	7.536.964.982
ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	-	701.024.300
Trạm biến áp 500kV Ô Môn	442.610.492	436.793.452
ĐZ 220kV Ô Môn - Thốt Nốt	932.903.364	892.060.637
Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại NMĐ Ô Môn	491.433.241	491.433.241
ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & SL - NQ (gói 12.3)	384.446.745	-
ĐZ 220 KV Thốt nốt - Châu đốc - Tịnh Biên	7.532.000	-

Vật tư cấp cho các đơn vị trong tổ hợp VNECO	1.862.614.856	1.488.772.152
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	123.793.465	123.793.465
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	389.373.653	19.431.403
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 5	220.818.135	220.818.135
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 6	72.565.300	72.565.300
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	14.377.867	14.377.867
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	23.170.900	23.170.914
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	743.054.482	743.054.482
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 11	213.275.154	213.275.154
Cty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	58.285.432	58.285.432
	3.900.468	
Cộng	36.371.212.054	38.267.354.552

7- Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các đơn vị trong tổ hợp VNECO ^(a)	85.755.009.351	89.085.790.725
Cộng	85.755.009.351	89.085.790.725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

		Cuối kỳ (31/03/2011)		Đầu kỳ (01/01/2011)	
(a)- Chi tiết phải thu dài hạn khách hàng					
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO		80.367.391.337		82.838.543.660	
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO		-		74.974.641	
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 11		5.387.618.014		6.172.272.424	
Cộng		85.755.009.351		89.085.790.725	

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	39.898.916.248	17.122.421.233	12.888.804.019	1.020.968.067	70.931.109.567
Tăng trong kỳ	127.132.928	0	0	45.263.637	172.396.565
- Đầu tư XDCB hoàn thành	127.132.928	0	0	0	127.132.928
- Đầu tư mua sắm mới	0	0	0	45.263.637	45.263.637
- Tăng khác	0	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	54.217.665	0	0	54.217.665
- Thanh lý, nhượng bán	0	54.217.665	0	0	54.217.665
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2011	40.026.049.176	17.068.203.568	12.888.804.019	1.066.231.704	71.049.288.467
HAO MÒN					
Tại 01/01/2011	2.243.836.727	15.663.574.291	10.841.519.491	756.250.649	29.505.181.158
Tăng trong kỳ	659.700.141	89.582.130	323.831.508	12.324.639	1.085.438.418
- Khấu hao trong kỳ	659.700.141	89.582.130	323.831.508	12.324.639	1.085.438.418
- Tăng khác	0	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	54.217.665	0	0	54.217.665
- Thanh lý, nhượng bán	0	54.217.665	0	0	54.217.665
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2011	2.903.536.868	15.698.938.756	11.165.350.999	768.575.288	30.536.401.911
GT CÒN LẠI TSCĐ HH					
Tại 01/01/2011	37.655.079.521	1.458.846.942	2.047.284.528	264.717.418	41.425.928.409
Tại 31/03/2011	37.122.512.308	1.369.264.812	1.723.453.020	297.656.416	40.512.886.556

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bằng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VH				
Tại 01/01/2011	35.074.251.503	50.086.320	373.750.000	35.498.087.823
Tăng trong kỳ	0	0	0	0
- Mua trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2011	35.074.251.503	50.086.320	373.750.000	35.498.087.823
HAO MÒN				
Tại 01/01/2011	0	50.086.320	373.750.000	423.836.320
Tăng trong kỳ	0	0	0	0
- Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2011	0	50.086.320	373.750.000	423.836.320
GT CÒN LẠI TSCĐ VH				
Tại 01/01/2010	35.074.251.503	0	0	35.074.251.503
Tại 31/03/2011	35.074.251.503	0	0	35.074.251.503

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dangTổng số Chi phí XD CB dở dang ^(a)**Cộng****Cuối kỳ
(31/03/2011)**

147.722.244.839

147.722.244.839**Đầu kỳ
(01/01/2011)**

128.998.229.207

128.998.229.207**(a) Chi tiết XD CB dở dang****Cuối kỳ
(31/12/2010)****Đầu kỳ
(01/01/2010)**

DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lãng Cô

9.614.640.016

9.577.903.648

DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoành Sơn

3.144.900.421

3.144.900.421

DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế

40.919.360.575

26.141.361.420

DA đầu tư khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, Quảng Bình

93.888.896

93.888.896

DA đầu tư khu đô thị mới Đông Bắc, Cầu Rào, Đồng Hới

49.118.423

49.118.423

DA đầu tư khu Trung tâm Văn hoá thể thao Đồng Hới

828.244.509

828.244.509

DA đầu tư Thủy Điện Sông Chò

3.357.021.336

3.357.021.336

Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng)

46.102.615.953

45.160.955.377

Dự án Khu dân cư VNECO 24Ha thuộc Xã Phước Lộc và Nhơn Đức - Nhà Bè

30.000.000

30.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai,
TP. Hồ Chí Minh

43.582.454.710

40.614.835.177

Cộng**147.722.244.839****128.998.229.207****14- Chi phí trả trước dài hạn****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**- Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí thanh toán dài hạn
khác

1.255.708.785

1.408.357.336

- Chi phí phát hành trái phiếu

1.243.714.987

1.518.714.987

Cộng**2.499.423.772****2.927.072.323****15- Vay và nợ ngắn hạn****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**

- Vay ngắn hạn

9.995.943.342

14.977.125.583

Cộng**9.995.943.342****14.977.125.583****Vay ngắn hạn Ngân hàng****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**

Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân

8.615.114.084

8.245.709.819

Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng

1.190.829.258

3.160.224.676

Ngân hàng CPTM Công thương Liên Chiểu

-

3.571.191.088

Ngân hàng TMCP An Bình

190.000.000

-

Cộng**9.995.943.342****14.977.125.583****16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**

Thuế thu nhập cá nhân

12.595.286

-

Thuế tiêu thụ đặc biệt

-

-

Thuế GTGT phải nộp của SPHH-DV

-

1.593.859.070

Thuế thu nhập doanh nghiệp

613.329.519

3.106.587.482

Cộng**625.924.805****4.700.446.552****17- Chi phí phải trả****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**Chi phí trích trước vào sản xuất kinh doanh ^(a)

119.354.146.272

94.304.664.157

Chi phí phải trả khác ^(b)

-

344.679.111

Cộng**119.354.146.272****94.649.343.268****(a) Chi phí trích trước phải trả cho đơn vị thi công
các Công trình****Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**Phải trả cho khách hàng thi công mạng truyền hình nhà
công vụ số 8 Bạch Đằng T26

498.687.000

498.687.000

Phải trả cho khách hàng thi công HT Camera Ngân
hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn

65.936.364

65.936.364

Phải trả cho khách hàng thi công HT mạng tổng đài
điện thoại Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn

278.624.727

278.624.727

Phải trả cho khách hàng thi công HT Mạng trung tâm
huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng

28.580.419

28.580.419

Phải trả cho khách hàng thi công Đz 500kV Sơn La -
Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 12.3)

0

1.081.537.388

Phải trả cho khách hàng thi công Đz 500kV Sơn La -
Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 13.1)

2.909.050.922

1.096.192.020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 5.3)	7.268.124.000	4.077.277.692
Phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 7.1)	5.131.922.744	7.254.303.000
Phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kv Phú Mỹ - Sông Mỹ	13.161.942.165	11.190.446.979
Phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kv NMĐ Cà Mau - Rach Giá	227.445.405	227.445.405
Phải trả cho khách hàng thi công Đz 220kv Ô Môn - Sóc Trăng	9.834.389.291	10.700.140.062
Phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kv TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kv Đăk Nông	1.074.677.716	2.633.473.881
Phải trả cho khách hàng thi công Trạm 220kv Phan Thiết	752.717.662	752.717.662
Phải trả cho khách hàng thi công Thuỷ điện An Khê - Ka Nak	2.368.104.108	2.368.104.108
Phải trả cho khách hàng lắp đặt HT cột ăngten Huawei	1.579.661.457	900.000.000
Phải trả cho khách hàng thi công Khu cao ốc K/ sạn Văn Phòng 223 Trần Phú ĐN	1.767.100.068	1.767.100.068
Phải trả cho khách hàng thi công Công trình Thuỷ điện A Roàng - Thừa Thiên Huế	595.545.455	615.080.000
Phải trả cho khách hàng thi công cụm DATD Q/ Nam	403.347.273	403.347.273
Phải trả cho khách hàng cung cấp lắp đặt HT TĐài, ĐT, MMT, AT NHàng Nông Nghiệp Q.Hải Châu	473.600.693	473.600.693
Phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kv Cay Lậy - Trà Nóc	6.587.322.831	4.132.268.129
Phải trả cho khách hàng thi công DA Thuỷ Điện Hồi Xuân	41.977.766.463	42.253.247.868
Phải trả cho khách hàng thi công hạ tầng KDC Nguyễn Chánh	296.817.682	1.277.147.948
Phải trả cho khách hàng CC cột thép cho dự án Huawei	229.405.471	229.405.471
Phải trả cho khách hàng thi công Đz 500kv Vĩnh Tân - Sông Mỹ	13.743.376.356	-
Phải trả cho khách hàng thi công TBA 500kv Thành Mỹ	8.100.000.000	-
Cộng	119.354.146.272	94.304.664.157

(b) Chi tiết chi phí phải trả khác

Dự chi phải trả lãi vay ngân hàng thương mại

Cộng**Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**

344.679.111

344.679.111**18- Các khoản phải trả, phải nộp khác**

Kinh phí công đoàn	157.188.154	175.599.634
Bảo hiểm xã hội	211.440.014	214.503.436
Bảo hiểm thất nghiệp	99.380.248	95.316.773
Bảo hiểm y tế	105.958.207	94.442.050
Phải trả BTC giá trị CP người nghèo trả chậm	1.595.560.000	1.595.560.000
Phải trả khác cho các đơn vị thành viên trong VNECO	16.426.156.907	16.599.690.152
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	26.777.305.548	13.751.348.271
Cộng	45.372.989.078	32.526.460.316

(a) Các khoản phải trả, phải nộp khác**Cuối kỳ
(31/03/2011)****Đầu kỳ
(01/01/2011)**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức phải trả năm 2007 cho cổ đông theo NQĐHĐCĐ năm 2008	55.607.000	55.607.000
Phải trả khoản lãi phát hành trái phiếu DN	25.234.027.778	12.687.500.001
Nhận tiền góp vốn vào dự án khu đất phân lô Nguyễn Chánh, TP Đà Nẵng	818.516.509	339.087.009
Ban QLDA các lưới điện Miền Trung	73.192.203	73.192.203
Công Ty TNHH SX-TM-XD Thiên Thanh	56.814.804	56.814.804
Phải trả khác	539.147.254	539.147.254
Cộng	26.777.305.548	13.751.348.271

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
20- Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	229.027.478.388	229.927.478.388
VND ^(a)	229.027.478.388	229.927.478.388
USD ^(b)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu phát hành ^(c)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	729.027.478.388	729.927.478.388

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
(a) Vay dài hạn Ngân hàng bằng VND		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	50.977.478.388	50.977.478.388
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	20.550.000.000	21.450.000.000
Ngân hàng Hàng Hải - Chi nhánh Đà Nẵng	157.500.000.000	157.500.000.000
Cộng	229.027.478.388	229.927.478.388

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
(b) Vay dài hạn Ngân hàng bằng USD		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Thành phố Đà Nẵng	-	-
Cộng	-	-

(**) Tên trái phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm
Mệnh giá trái phiếu	: 100.000 đồng / Trái phiếu
Số lượng	: 5.000.000 trái phiếu
Lãi suất	: 10,15% / 1 năm
Ngày phát hành	: 28/09/2007
Ngày đáo hạn	: 28/09/2012
Thời hạn	: 5 năm

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn góp)	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu quý 1 năm 2010	320.000.000.000	2.725.000.000	(17.943.040.000)	1.040.947.680
- Tăng vốn trong kỳ	317.210.610.000	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	(7.039.440.349)	0

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối quý 4 năm 2010, số dư đầu quý 1 năm 2011	637.210.610.000	2.725.000.000	(24.982.480.349)	1.040.947.680
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối quý 1 năm 2011	637.210.610.000	2.725.000.000	(24.982.480.349)	1.040.947.680

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

Chỉ tiêu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý 1 năm 2010	4.040.641.881	83.138.335.179	393.001.884.740
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	317.210.610.000
- Lãi trong kỳ	0	22.821.959.322	22.821.959.322
- Tăng khác	4.046.280.538	0	-2.993.159.811
- Giảm vốn trong kỳ (cổ tức năm 2007 phải trả cho cổ đông)	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0
- Giảm khác	0	75.581.473.392	75.581.473.392
Số dư cuối quý 4 năm 2010, số dư đầu quý 1 năm 2011	8.086.922.419	30.378.821.109	654.459.820.859
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	892.169.616	892.169.616
- Tăng khác	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0
- Giảm khác	0	880.000	880.000
Số dư cuối quý 1 năm 2011	8.086.922.419	31.270.110.725	655.351.110.475

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà Nước (do SCIC đại diện)
- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
189.000.000.000	189.000.000.000
448.210.610.000	448.210.610.000
637.210.610.000	637.210.610.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu kỳ

+ Vốn góp cuối kỳ

**Cuối kỳ
(31/03/2011)**

637.210.610.000

-

637.210.610.000

**Đầu kỳ
(01/01/2011)**

637.210.610.000

-

637.210.610.000

d- Cổ phiếu

+ Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ

+ Số lượng cổ phiếu được mua lại

++ Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu của cổ đông khác

++ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

++ Cổ phiếu phổ thông

**Cuối kỳ
(31/03/2011)**

18.900.000

978.920

978.920

43.842.141

43.842.141

62.742.141

62.742.141

**Đầu kỳ
(01/01/2011)**

18.900.000

978.920

978.920

43.842.141

43.842.141

62.742.141

62.742.141

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ dự phòng tài chính

**Cuối kỳ
(31/03/2011)**

1.040.947.680

8.086.922.419

**Đầu kỳ
(01/01/2011)**

1.040.947.680

8.086.922.419

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty hoặc bổ sung vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KQHĐ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.897.476.702	37.630.062.080	54.897.476.702	37.630.062.080
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.164.704.967	37.630.062.080	54.164.704.967	37.630.062.080
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	732.771.735	-	732.771.735	-
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	5.519.000	-	5.519.000	-
- Chiết khấu thương mại	5.519.000	-	5.519.000	-
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.891.957.702	37.630.062.080	54.891.957.702	37.630.062.080
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.164.704.967	37.630.062.080	54.164.704.967	37.630.062.080
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	727.252.735	-	727.252.735	-
28- Giá vốn hàng bán	40.302.605.090	31.222.198.394	40.302.605.090	31.222.198.394
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	39.332.096.948	31.222.198.394	39.332.096.948	31.222.198.394
- Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	970.508.142	-	970.508.142	-
29- Doanh thu hoạt động tài chính	1.736.587.522	19.272.088.556	1.736.587.522	19.272.088.556
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.528.402.204	247.912.510	1.528.402.204	247.912.510
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.043.000	126.271.769	208.043.000	126.271.769
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	142.318	47.535.087	142.318	47.535.087
- Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	-	18.850.369.190	-	18.850.369.190
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	-
30- Chi phí tài chính	11.761.704.651	15.833.079.256	11.761.704.651	15.833.079.256
- CP Hoạt động đầu tư tài chính	-	54.083.358	-	54.083.358
- CP cho vay và đi vay vốn	9.186.325.371	14.425.502.334	9.186.325.371	14.425.502.334
- CP chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	-	-
- CP Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.575.379.280	1.348.221.068	2.575.379.280	1.348.221.068
- CP Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-	-	-
- CP Tài chính khác	-	5.272.496	-	5.272.496
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	228.042.206	835.388.547	228.042.206	835.388.547

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- CP thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành	228.042.206	835.388.547	228.042.206	835.388.547
--	-------------	-------------	-------------	-------------

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**3- Thông tin về các bên liên quan****Các bên liên quan của Công ty bao gồm:**▪ **Công ty con gồm:**

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ thực góp tại 31/03/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng Cty tại 31/03/2011
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	9.046.630.000	47,91%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	12.000.000.000	43,72%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5.	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6.	Công ty CP Kết cấu thép & Mạ kẽm MÊCA.VNECO	Huyện Nhà Bè - Tp.HCM	90.075.000.000	70,05%
7.	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.900.000.000	86,62%
8.	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%
9.	Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	đang hoàn chỉnh thủ tục đầu tư	đang xúc tiến đầu tư
10.	Công ty CP ĐT và xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	Khu đô thị Đông Bắc Ga - phường Đông Thọ - Tp Thanh Hóa	105.001.000.000	98,57%

▪ **Công ty liên kết gồm:**

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ thực góp tại 31/03/2011 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng Cty tại 31/03/2011
1.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
2.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
3.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	37,74%
4.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
5.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
6.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%

▪ **Đầu tư dài hạn khác:**

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn đầu tư của Tổng Công ty tại 31/03/2011 (VND)
1.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 1	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	704.900.000
2.	Công ty CP xây dựng điện VNECO 9	TP Nha Trang - Khánh Hoà	3.146.897.085
3.	Công ty cổ phần Sông Ba	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	6.517.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chở	TP Nha Trang - Khánh Hoà	3.695.521.472
5.	Công ty CP chế tạo KC Thép Thành Long - VINECO	TP. Hồ Chí Minh	27.000.000.000
6.	Công ty CP CT Kết cấu thép & Mạ kẽm SSM.VINECO	Khu CN Hòa Khánh - Đà Nẵng	4.211.852.205

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh với các bên liên quan bao gồm:

- Phải thu:**

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	CÔNG TY CON	230.535.463.726	70.045.572.501	51.191.521.207	249.389.515.020
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	(246.193.363)	7.476.000	35.025.000	(273.742.363)
	Kinh phí đền bù	(344.094.288)		35.025.000	(379.119.288)
	Cổ tức phải thu	78.640.925			78.640.925
	Phải thu khác	19.260.000	7.476.000		26.736.000
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	(278.006.320)	890.150.400	67.811.000	544.333.080
	Kinh phí đền bù	(441.410.530)			(441.410.530)
	Cổ tức phải thu	36.124.210	890.150.400		926.274.610
	Phải thu khác	127.280.000		67.811.000	59.469.000
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	509.077.222	705.387.400	0	1.214.464.622
	Kinh phí đền bù	(165.415.734)			(165.415.734)
	Cổ tức phải thu	0	20.000.000		20.000.000
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	507.111.111	682.107.400		1.189.218.511
	Phải thu khác	167.381.845	3.280.000		170.661.845
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	(128.833.200)	952.047.000	0	823.213.800
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0			0
	Cổ tức phải thu	0	946.440.000		946.440.000
	Kinh phí đền bù	(128.833.200)			(128.833.200)
	Phải thu khác	0	5.607.000		5.607.000
5	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	9.264.031.453	1.929.638.855	5.440.103.892	5.753.566.416
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.789.493.727	48.004.262		1.837.497.989
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	2.648.004.933	1.672.858.019	5.292.870.022	(972.007.070)
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	74.974.641		74.974.641	0
	Kinh phí đền bù	292.689.712		6.500.000	286.189.712
	Phải thu khác	4.458.868.440	208.776.574	65.759.229	4.601.885.785
6	Cty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	41.461.039.236	59.353.034.238	2.907.211.753	97.906.861.721
	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	37.280.412.599			37.280.412.599
	Cổ tức phải thu	0			0
	Kinh phí đền bù	(166.435.500)			(166.435.500)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.831.197.723	2.250.867.571	2.892.211.753	3.189.853.541
	Phải thu khác	515.864.414		15.000.000	500.864.414
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	57.102.166.667		57.102.166.667
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	137.148.161.088	6.095.338.608	3.190.767.862	140.052.731.834

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	82.838.543.660		2.471.152.323	80.367.391.337
	Phải thu khác	54.309.617.428	6.095.338.608	719.615.539	59.685.340.497
	Kinh phí đến bù	0			0
8	Công ty CP Đầu tư và thương mại VNECO Huế	248.018.874	0	0	248.018.874
	Phải thu khác	248.018.874	0	0	248.018.874
9	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	39.477.444.736	0	39.550.601.700	(73.156.964)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	37.603.925.736		37.545.812.000	58.113.736
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.954.188.000		1.954.188.000	0
	Phải thu khác	0			0
	Kinh phí đến bù	(80.669.000)		50.601.700	(131.270.700)
10	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	3.080.724.000	112.500.000	0	3.193.224.000
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	3.080.724.000	112.500.000		3.193.224.000
	CÔNG TY LIÊN KẾT	33.969.027.565	13.364.261.631	5.498.226.945	41.835.062.251
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	(7.033.225.456)	3.370.843.447	0	(3.662.382.009)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0			0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(7.210.610.905)	3.361.317.447		(3.849.293.458)
	Kinh phí đến bù	0			0
	Phải thu khác	177.385.449	9.526.000		186.911.449
	Cổ tức phải thu	0			0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	996.861.560	49.747.000	0	1.046.608.560
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0			0
	Kinh phí đến bù	(213.722.500)			(213.722.500)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.004.722.222	42.500.000		1.047.222.222
	Cổ tức phải thu	0			0
	Phải thu khác	205.861.838	7.247.000		213.108.838
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	12.224.695.133	1.083.898.867	2.000.000.000	11.308.594.000
	Kinh phí đến bù	9.341.803			9.341.803
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	12.193.833.333	420.833.333	2.000.000.000	10.614.666.666
	Phải thu khác	21.519.997	48.711.710		70.231.707
	Cổ tức phải thu	0	614.353.824		614.353.824
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.093.233.988	1.170.477.482	43.932.427	10.219.779.043
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	840.162.283	448.932.427		1.289.094.710
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.757.272.222	70.000.000		2.827.272.222
	Kinh phí đến bù	66.630.629			66.630.629
	Phải thu khác	5.429.168.854	651.545.055	43.932.427	6.036.781.482
	Cổ tức phải thu	0			0
15	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	590.099.860	480.000.000	0	1.070.099.860
	Kinh phí đến bù	30.975.915			30.975.915
	Cổ tức phải thu	0	480.000.000		480.000.000
	Phải thu khác	559.123.945			559.123.945

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
16	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	18.097.362.480	7.209.294.835	3.454.294.518	21.852.362.797
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(2.438.930.389)	2.997.402.865	2.090.185.595	(1.531.713.119)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.238.950.034	264.988.889	300.000.000	2.203.938.923
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	6.172.272.424		784.654.410	5.387.618.014
	Kinh phí đến bù	32.268.888			32.268.888
	Phải thu khác	12.092.801.523	3.946.903.081	279.454.513	15.760.250.091
	TỔNG CỘNG	264.504.491.291	83.409.834.130	56.689.748.152	291.224.577.269

- Phải trả**

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	CÔNG TY CON	26.051.831.579	353.397.040	10.366.722.339	16.038.506.280
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	8.317.912.481	0	3.005.000.000	5.312.912.481
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	8.317.912.481	0	3.005.000.000	5.312.912.481
	Phải trả khác	0	0	0	0
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	7.417.189.446	172.916.525	2.978.418.351	4.611.687.620
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	7.417.189.446	172.916.525	2.978.418.351	4.611.687.620
	Phải trả khác	0	0	0	0
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	6.045.341.489	157.649.976	2.532.266.083	3.670.725.382
	Phải trả khác	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.045.341.489	157.649.976	2.532.266.083	3.670.725.382
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	3.342.687.066	0	900.000.000	2.442.687.066
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.342.687.066	0	900.000.000	2.442.687.066
5	Công ty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	0	0	0	0
	Phải trả khác	0	0	0	0
6	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An	0	3.215.000	0	3.215.000
	Phải trả khác	0	3.215.000	0	3.215.000
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	0	19.615.539	19.615.539	0
	Phải trả khác	0	19.615.539	19.615.539	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	0	0	0	0
8	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hời Xuân VNECO	928.701.097	0	931.422.366	(2.721.269)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	928.701.097	0	931.422.366	(2.721.269)
	TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	30.496.216.971	1.172.442.576	5.815.931.747	25.852.727.800
9	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
10	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	6.977.053.196	217.897.302	4.949.123.747	2.245.826.751
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.977.053.196	217.897.302	4.949.123.747	2.245.826.751
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	6.169.660.500	909.331.274	10.000.000	7.068.991.774
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	6.169.660.500	909.331.274	10.000.000	7.068.991.774

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	Phải trả khác	0	0	0	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	14.000.000.000	0	0	14.000.000.000
	Phải trả khác	14.000.000.000	0	0	14.000.000.000
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.349.503.275	0	811.594.000	2.537.909.275
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.349.503.275	0	811.594.000	2.537.909.275
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	0	45.214.000	45.214.000	0
	Phải trả khác	0	45.214.000	45.214.000	0
	TỔNG CỘNG	56.548.048.550	1.525.839.616	16.182.654.086	41.891.234.080

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh - AISC.

7- Những thông tin khác**7.1- Phải thu khách hàng**Ngắn hạn ^(a)Dài hạn ^(b)**Cộng****Cuối kỳ****(31/03/2011)**

132.473.119.963

-

132.473.119.963**Đầu kỳ****(01/01/2011)**

178.167.784.799

-

178.167.784.799**(a)- Chi tiết phải thu khách hàng ngắn hạn**

Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc

Ban QLDA các công trình điện Miền Trung

Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 3

Ban QLDA Năng lượng nông thôn - Công ty Điện lực 3

Ban QLDA các công trình điện Miền Nam

Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4

Ban A - Hàm Thuận Đa My

Nhà Công vụ T26, số 8 Bạch Đằng Đà Nẵng

Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO

Công Ty CP Truyền Thông Kim Cương

Ban QLDA Thủy điện 7

NHàNg Nông nghiệp Quận Hải Châu

Cty CP Đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân VNECO

Công ty CP Sông Ba

Công ty Xây lắp Điện 1

Cộng**Cuối kỳ****(31/03/2011)**

35.367.189.652

17.174.663.324

112.283.618

26.502.635

32.230.712.284

170.167.570

570.974.554

198.056.000

692.699.646

37.280.412.585

42.742.480

1.419.189.272

141.960.762

58.113.736

5.957.273.767

1.030.178.078

132.473.119.963**Đầu kỳ****(01/01/2011)**

49.549.524.588

17.174.663.324

112.283.618

26.502.635

23.852.578.455

170.167.570

570.974.554

198.056.000

692.699.646

37.280.412.585

42.742.480

1.419.189.272

141.960.762

37.603.925.736

5.957.273.767

3.374.829.807

178.167.784.799**7.2- Trả trước cho người bán**

Hội đồng đền bù GPMB huyện Kỳ Anh

Công Ty xây lắp điện 2

Cuối kỳ**(31/03/2011)**

220.268.462

600.000

Đầu kỳ**(01/01/2011)**

220.268.462

600.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trung tâm thí nghiệm - Cty điện lực 2	525.000.000	525.000.000
Công Ty TNHH xây dựng và dịch vụ An Thuận	119.361.786	119.361.786
Công ty Xây dựng và ĐT Hà Tĩnh	13.156.000	13.156.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Việt Trung	950.000	950.000
Công ty TNHH Về Nguồn	24.026.913.511	18.038.552.322
Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Huế	-	21.488.000
Xí nghiệp khảo sát đo đạc và xây dựng	6.488.000	6.488.000
Công ty TNHH Quang trung	1.958.000	1.958.000
T.Tâm quan trắc & kỹ thuật môi trường Quảng Bình	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH TM-DV-XD Hoàng Thắng	478.437.775	478.437.775
Công Ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam	114.103.600	114.103.600
Truyền Tải Điện Tây Bắc	119.628.872	119.628.872
Công ty TNHH Sao Nam	1.056.673.368	1.056.673.368
Công ty Tư vấn Đại học Xây Dựng	463.800.000	463.800.000
Công Ty CP Công Nghệ Bể Bơi Thông Minh	413.463.747	413.463.747
Công Ty TNHH Tư Vấn Hạch Định Nguồn Lực DN E.R.P	195.000.000	195.000.000
Công Ty CP Dịch vụ Thương mại KD Nhà Tín Nghĩa	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH TMại XD Phúc Vân Hà	50.728.000.000	50.728.000.000
Trung Tâm Thiết Kế Điện - Công Ty Điện Lực 3	191.300.000	191.300.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Trang Anh	99.000.000	99.000.000
Công Ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam	12.200.000	12.200.000
Công Ty Cổ Phần Kiến Trúc Tết	5.700.000	5.700.000
Công Ty Cổ Phần Phú Thịnh Hng	206.338.474	134.338.474
Công Ty CP Tư Vấn Thiết Kế Giao Thông TT Huế	344.763.965	244.763.965
Công Ty TNHH Tư Vấn - Khảo Sát - Thiết Kế - H.CM	150.000.000	134.000.000
Công Ty TNHH Tân Tiến	102.000	102.000
Hợp Tác Xã Xuân Long	4.074.800.000	4.074.800.000
Công Ty TNHH Phúc Thịnh	2.605.800.000	2.605.800.000
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế và Xây Dựng Hà Nội	8.750.000	12.500.000
Trung Tâm Tư Vấn Xây Dựng-BQL ĐN-Điện Ngọc	-	37.000.000
Văn phòng tư vấn & chuyển giao công nghệ XD	140.000.000	140.000.000
Hội đồng đến bù Huyện Phú Lộc	60.000.000	60.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	392.000	392.000
Hội đồng đến bù GPMB huyện Phú Vang	234.823.484	234.823.484
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3	443.682.000	443.682.000
Nguyễn Hồng Long	66.306.030	66.306.030
Ban QLDA các CT Điện Miền Nam	439.158.485	439.158.485
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	1.289.094.710	840.162.283
Công ty CP Tư Vấn & Xây Dựng VNECO	-	2.648.004.933
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO	3.189.853.541	3.831.197.723
XN Xây dựng Giao thông Thủy lợi Xuân Nhung	277.000.000	277.000.000
Công ty Bảo Việt Đà Nẵng	41.799.500	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	6.528.301	-
Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh	26.372.106	-
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	15.000.000	-
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	13.115.750.000	-
Công ty TNHH Hoàng Hà - Hoàng Hoá - Thanh Hoá	500.000.000	-
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	1.053.407.853	-
Doanh Nghiệp TNXD Thành Lập	350.000.000	-
Công Ty TNHH DVKT Điện và Xúc Tiến Thương Mại	12.905.926	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Vật Liệu Hưng Phát	1.204.000	-
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Số 1 TT Huế	182.410.543	-
CTy CP Chế Tạo Biến áp Điện Lực CN Hà Nội	245.806.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công Ty CPXDCN Phương Hoàng Đông Phương	2.673.500	-
Trung Tâm Tư Vấn Xây Dựng-BQL ĐN-Điện Ngọc	37.000.000	-
Trung tâm tư vấn kỹ thuật Xây dựng Đà Nẵng	17.600.000	-
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Phú Vang	9.000.000.000	-
Cty CP Đầu tư và xây dựng điện Hối Xuân VNECO	2.721.269	-
Cộng	181.974.046.808	154.089.161.309

7.4 - Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn:

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Đầu tư vào Công ty con (a)	261.927.019.500	217.927.019.500
Đầu tư vào Công ty liên kết (b)	48.288.320.000	48.288.320.000
Đầu tư dài hạn khác (c)	45.276.170.762	45.187.237.562
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (d)	(57.908.890.960)	(55.333.511.680)
Cộng	297.582.619.302	256.069.065.382

(a) Chi tiết đầu tư vào Công ty con

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	6.985.720.000	6.985.720.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	4.334.380.000	4.334.380.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	5.246.980.000	5.246.980.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	7.887.000.000	7.887.000.000
Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An	13.885.939.500	13.885.939.500
Công ty CP kết cấu thép & Mạ kẽm MÊCA VNECO	63.100.000.000	63.100.000.000
Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	5.102.000.000	5.102.000.000
Công ty CP Du Lịch Xanh Huế VNECO	51.885.000.000	47.385.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hối Xuân VNECO	103.500.000.000	64.000.000.000
Cộng	261.927.019.500	217.927.019.500

(b) Chi tiết đầu tư vào Công ty liên kết

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	5.854.100.000	5.854.100.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 6	9.142.170.000	9.142.170.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 5	4.050.000.000	4.050.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	9.560.000.000	9.560.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 11	16.682.050.000	16.682.050.000
Cộng	48.288.320.000	48.288.320.000

(c) Chi tiết đầu tư dài hạn khác

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM	4.211.852.205	4.122.919.005
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	704.900.000	704.900.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9	3.146.897.085	3.146.897.085
Công ty CP chế tạo KC Thép Thành Long - VINECO	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty CP Sông Ba	6.517.000.000	6.517.000.000
Công ty CP Thủy điện Sông Chò	3.695.521.472	3.695.521.472
Cộng	45.276.170.762	45.187.237.562

(d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP DL Xanh Huế-VNECO	(35.667.511.511)	(33.392.503.898)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

DP giảm giá ĐT CP tại Cty Tư vấn và XD Điện VNECO	(2.821.009.305)	(2.821.009.305)
DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	(2.586.671.600)	(2.286.299.933)
DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Xây dựng VNECO 11	(15.530.298.544)	(15.530.298.544)
DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Sông Ba	(1.303.400.000)	(1.303.400.000)
Cộng	(57.908.890.960)	(55.333.511.680)

7.5- Phải trả người bán**Phải trả khách hàng bên ngoài VNECO**

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Phải trả khách hàng bên ngoài VNECO	25.967.000.797	28.541.867.117
UBND Thị trấn Lăng Cô	4.916.260	4.916.260
Công ty Bảo Việt Đà Nẵng	-	500
Công ty bảo hiểm dầu khí khu vực Đà Nẵng	32.643.938	32.643.938
Cty CP thiết bị và DV Điện tử - viễn Thông Việt	53.374.198	53.374.198
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	-	50.949.226
Công Ty truyền tải điện 3	39.376.086	39.376.086
Công ty xây lắp điện 4	22.870.904	22.870.904
Công Ty XD Số 2 Nghệ an (Nay là Công ty XD 16)	2.139.202	2.139.202
Công ty cổ phần Cầu Lâu	12.307.880	12.307.880
Trung Tâm Điều Độ HT Điện Miền Trung (A3)	908.516.340	908.516.340
Công ty Cp Sông ba	55.766.804	55.766.804
Cty CP Xây lắp và Thương mại Hoàng Hà	376.000.000	376.000.000
Công ty phát triển Công nghiệp Hà Tĩnh	15.110.636	15.110.636
Công ty XD & KD Hoàng Thạch	14.588.001	14.588.001
Công ty Cổ phần xây dựng 31-5 _ Hà Tĩnh	940.865.093	1.165.366.293
Công ty TNHH Xây dựng TH Nguyễn Hoàng	2.270.590.023	2.000.595.524
Xí nghiệp Khảo sát & XD số 3	106.976.584	106.976.584
Công ty Cổ phần Hợp Lực	2.600.000	2.600.000
Chi Nhánh Công Ty Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	571.563.866	571.563.866
Công ty Bảo Minh Đà Nẵng	268.484.000	114.638.000
Công ty CP Bảo Hiểm Quân Đội - CN Đà Nẵng	98.488.000	73.288.000
Nhà máy Quy chế 2 - Cty CP Kinh doanh TBCN HN	15.739.217	8.822.520
Công Ty Cơ khí 120 (TCTGTVT Hà nội)	47.193.505	47.193.505
Công ty TNHH Thép Thành Long	9.491.965.646	9.491.965.646
Công ty CP Xây dựng & PTNT Nghệ Tĩnh	515.727.792	1.469.785.163
Công ty TNHH BlueScope Lysaght (Vietnam)	24.216.437	24.216.437
Công Ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tân Định	23.700.000	23.700.000
Công ty TNHH DV Quảng Cáo Phát Phú	6.131.627	6.131.627
Công ty TNHH Khuê Mỹ	364.495.561	81.412.316
Công Ty CP Công Nghệ Môi Trường Toàn á	14.200.000	14.200.000
Công ty TNHH TM và DV Ngọc Việt	4.400.400	4.400.400
Công ty TNHH TM & DVKT Đại việt	7.761.998	7.761.998
Công Ty TNHH XD-TM-DV MIMOSA	61.284.508	61.284.508
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	408.717.883
Công ty TNHH TM-DV- Kỹ Thuật Khả Tài	89.457.206	89.457.206
Công Ty TNHH SX-XD-TM Vương Sang	-	70.332.500
Công Ty TNHH KTCN ánh Dương Sài Gòn	473.564.661	473.564.661
Công Ty T vấn XD Miền trung	3.949.795	3.949.795
Công ty CP Tư vấn XD điện 4	5.094.121.336	6.494.121.336
Công ty TNHH SX - TM Quân Đạt	1.511.620	1.511.620
Ban A ĐZ 500Kv Bắc nam	13.732.852	13.732.852
Ban QLDA các CT Điện Miền Bắc	408.936.233	404.633.564

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban QLDA các CT Điện Miền Trung	3.478.246.610	3.478.246.610
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Minh An Bình	17.611.413	17.611.413
Công Ty Lưới Thép Hàn VRC	840.315	840.315
Công Ty TNHH Xuân Hùng	11.034.250	220.685.000

Phải trả các đơn vị trong tổ hợp VNECO

	51.306.994.613	75.999.979.780
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	12.385.237.660	17.778.341.292
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	3.849.293.458	7.210.610.905
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	5.312.912.481	8.317.912.481
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	4.611.687.620	7.417.189.446
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 5	2.245.826.751	6.977.053.196
Công Ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM	1.507.128.101	2.853.173.788
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 6	7.068.991.774	6.169.660.500
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	3.670.725.382	6.045.341.489
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9	3.170.874.856	3.170.874.856
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	2.537.909.275	3.349.503.275
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 11	1.531.713.119	2.438.930.389
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	2.442.687.066	3.342.687.066
Cty CP Đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	-	928.701.097

Cộng

972.007.070

77.273.995.410**104.541.846.897****7.6- Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ (31/03/2011)	Đầu kỳ (01/01/2011)
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	844.428.732	5.118.557.829
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	6.470.914.171	6.470.914.171
Ban QLDA Năng lượng nông thôn - Cty Điện lực 3	12.868.078	12.868.078
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	3.100.403.111	3.100.403.111
Ban QLDA lưới điện - Cty Điện lực 2	1.834.650	1.834.650
Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công An	1.092.013.732	1.092.013.732
Cộng	11.522.462.474	15.796.591.571

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

